

Bản án số: 577/2021/HS-ST

Ngày 03 -12 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị An

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai – Giáo viên nghỉ hưu
2. Ông Nguyễn Hải Quân – Công tác tại Thành Đoàn Thái Nguyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 541/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 567/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vi Văn K**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 14/10/2004 (tính đến ngày phạm tội là 16 tuổi 03 tháng 03 ngày); Nơi sinh: Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 5, phường T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: học sinh; Con ông: Vi Tuấn D, sinh năm 1976, con bà: Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1980; Vợ, con chưa có; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Tài Đức T1**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08/12/2004 (tính đến ngày phạm tội là 16 tuổi 02 tháng 09 ngày); Nơi sinh: Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 18, phường P, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: học sinh; Con ông: Nguyễn Văn A, sinh năm 1977, con bà: Đặng Thị Hồng H, sinh năm 1979; Vợ, con chưa có; Gia đình có 02 anh em, bị

cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Ngô Quang T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 30/9/2004 (tính đến ngày phạm tội là 16 tuổi 04 tháng 17 ngày); Nơi sinh: Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 6, phường P, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: học sinh; Con ông: Ngô Mạnh Đ, sinh năm 1972, con bà: Phạm Thúy H, sinh năm 1971; Vợ, con chưa có; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Trần Khánh Q**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09/8/2004 (tính đến ngày phạm tội là 16 tuổi 05 tháng 08 ngày); Nơi sinh: Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 1, phường T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: học sinh; Con ông: Trần T2 K, sinh năm 1971, con bà: Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 1976; Vợ, con chưa có; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Vương Văn T2**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17/02/2004 (tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi); Nơi sinh: Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 3, phường T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: học sinh; Con ông: Vương Văn G, sinh năm 1965, con bà: Ngô Thị L, sinh năm 1966; Vợ, con chưa có; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Mai Hải N**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 25/01/2004 (tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 22 ngày); Nơi sinh: Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 8, phường S, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: học sinh; Con ông: Mai Xuân M, sinh năm 1967, con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; Vợ, con chưa có; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

**\* Những người tham gia tố tụng khác:**

- *Người bào chữa cho các bị cáo do trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử:*

1. Ông Lê Quang N (Luật sư bào chữa cho bị cáo Mai Hải N và bị cáo Vương Văn T2) (có mặt)

2. Ông Nguyễn Công P (Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Quang T và bị cáo Trần Khánh Q) (có mặt)

3. Bà Nguyễn Ngọc C (Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tài Đức T1 và bị cáo Vi Văn K) (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo:*

1. Ông: Vi Tuấn D – sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 5, phường Quang T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên

*Là đại diện hợp pháp của bị cáo Vi Văn K (có mặt).*

2. Bà Đặng Thị Hồng T - sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 18, phường Phan P, thành phố Nn, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

*Là đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn tài Đức T1 (có mặt)*

3. Ông Ngô Mạnh Đ – sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 6, phường P, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên

*Là đại diện hợp pháp của bị cáo Ngô Quang T (có mặt)*

4. Bà Phạm Thị Ngọc M – sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 1, phường Quang T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên

*Là đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Khánh Q.*

5. Ông: Vương Văn G – sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 3, phường Quang T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên

*Là đại diện hợp pháp cho bị cáo Vương Văn T2 (có mặt)*

6. Bà Nguyễn Thị B – sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 8, phường S, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên;

*Là đại diện hợp pháp cho bị cáo Mai Hải N (có mặt).*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

**Trường Trung học cơ sở Quang T – thành phố N**

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Huệ O – sinh năm 1972

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: tổ 9, phường D, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

- **Người làm chứng:** Ông Nông Minh V, sinh năm 1975 (có mặt)  
HKTT: Tổ 07, phường T, thành phố N

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 17/02/2021, ông Nông Minh V (sinh năm 1975, HKTT: Tổ 07, phường T, thành phố N) là nhân viên Bảo vệ của Trường THCS Quang Trung đang trực thì có một nhóm thanh niên đi xe mô tô vào trong sân trường, ông V không cho các thanh niên trên đi trong sân trường thì các đối tượng đi ra, lúc này có hai thanh niên đi trên 1 xe mô tô có hành vi rú ga, ép số, đánh vòng để trêu ông V, sau đó nhóm thanh niên này đi ra phía sau trường. Sau khi nhóm thanh niên đi ra phía sau sân trường thì ông V nghe thấy tiếng nổ lớn nên đã đi ra và phát hiện các thanh niên đã có hành vi trèo tường rào (tường rào đang phá để xây dựng) vào sân tập thể dục của nhà trường và đốt pháo. Khi phát hiện thấy ông V đi ra, các đối tượng bỏ chạy, ông V đã giữ lại được 01 chiếc xe mô tô và báo bà Nguyễn Huệ O, là Hiệu trưởng nhà trường, bà O đã báo công an phường T đến lập biên bản sự việc.

Quá trình điều tra đã xác định: Trưa ngày 17/02/2021, Nguyễn Tài Đức T1, cùng Vi Văn K, Ngô Quang T, Trần Khánh Q, Vương Văn T2, Mai Hải N, Trương Minh Z và Hà Quang A (đều sinh năm 2004) nhắn tin nhóm rủ nhau đi uống nước ở quán nước gần cổng trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 20D1-107.01 đi đón T1 đến quán nước; Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 20B2 – 197.83 (trước đó mượn xe của Hoàng Quang A, sinh năm 2004, HKTT: tổ 8, phường Q, thành phố N) đi đón T đến quán nước; N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 20B2-270.45 đi một mình đến quán nước. Một lúc sau, K được bạn chở đến. Quá trình nói chuyện, T1 nói với K, T, Q, T2, N là học được trên Youtube cách làm pháo nổ từ pháo bông. Cả 06 người thống nhất góp tiền lại để đưa cho T1 mua nguyên liệu làm pháo nổ (gồm pháo bông và băng dính). Mỗi người góp khoảng 5.000đồng. Sau đó, T2 điều khiển xe chở T1, T điều khiển xe chở Q, N điều khiển xe một mình cùng đi đến quán tạp hóa gần cổng trường THCS Nha Trang. Khi đến nơi, T1 đi vào trong quán tạp hóa mua được 02 gói que pháo bông (mỗi gói gồm 10 que) với giá 8.000đồng/01 gói và 01 cuộn băng dính với giá 4.000 đồng. Mua xong tất cả quay lại quán nước. Q lấy từ trong cốp xe 01 quyển vở viết mang vào. Tại quán nước, mỗi gói pháo bông T1 làm thành 01 quả pháo nổ. Đầu tiên, T1 bẻ hết phần que pháo bông không dính thuốc pháo ra và xếp 10 que pháo bông lại thành 01 bó và dùng giấy (được xé từ vở viết của Q) cuốn lại. Trong đó có 01 que pháo bông cao hơn các que pháo còn lại dùng để làm ngòi dẫn. Sau đó, T1 dùng băng dính cố định các que pháo làm thành 01 quả pháo nổ. Làm xong, T1 đưa 02 quả pháo nổ cho K cầm. Lúc này, Z điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu xanh, BKS: 20M8 - 8587 chở Hà Quang A đến. T1 cùng K, T, Q, T2, N thống nhất ra khu vực hồ nước thải gần Sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên để đốt pháo, Trương Minh Z và Hà Quang A đi theo mục đích

xem đốt pháo. Khi đi, T2 điều khiển xe chở T1, K điều khiển xe chở T, N điều khiển xe chở Q, Z điều khiển xe chở Hà Quang A. Đến nơi, do thấy có nhiều người qua lại nên K đã bảo mọi người đi vào trong trường THCS Quang Trung thuộc tổ 14, phường T, thành phố N để đốt pháo. Tất cả điều khiển xe đi theo K. Đến cổng trường, xe của K đi vào trong trước, xe của T2 và xe của N đi theo sau. Lúc này, ông Nông Minh V đã đi từ phòng bảo vệ ra đuổi nhóm của K ra ngoài. Xe của N và T2 đi ra cổng trường trước, còn xe của K vẫn ở trong sân trường. K vê ga, ép số, đánh võng để trêu ông V. Ông V tiếp tục đuổi thì K điều khiển xe đi ra ngoài cổng rồi vòng ra phía sau trường học. Thấy vậy, N, T2 và Hà Quang A điều khiển xe đi theo. Còn Z đi bộ phía sau. Khi đến khu vực phía sau tòa nhà 4 tầng của trường THCS Quang Trung thì tất cả dừng xe lại để vào trường do phía sau tòa nhà 4 tầng không có tường bao (đã bị phá từ trước chưa xây dựng lại). Lúc này, T1 bảo mọi người là cứ vào đốt pháo còn T1 ở ngoài trông xe, Hà Quang A cũng ở ngoài không vào. K cùng T, Q, T2, N nhảy vào trong trường và đi bộ ra phía đầu hồi tòa nhà 4 tầng, cách phòng bảo vệ khoảng 20 mét, Z cùng vào theo mục đích để xem đốt pháo. K cầm 01 quả pháo nổ tự chế đặt xuống sân trường, cạnh bờ tường tòa nhà 4 tầng rồi dùng bật lửa đốt ngòi dẫn. Đốt xong, nhóm của T1 bỏ chạy về phía sau tòa nhà 4 tầng rồi trèo lên đường lấy xe. Khoảng 10 giây sau (kể từ khi đốt ngòi dẫn) thì quả pháo phát ra 01 tiếng nổ lớn. Nhóm của K điều khiển xe mô tô ra phía sau sân tập thể dục của trường THCS Quang Trung để đốt nốt quả pháo còn lại. Khi đến khu vực phía sau trường, K, T, Q, T2, N trèo tường nhảy vào trong sân tập thể dục, Z đi bộ ra quán nước, T1 đứng ngoài trông xe và Quang A đứng ở ngoài không vào. Lúc này, ông V điều khiển xe mô tô đi từ trong trường vòng ra phía sau trường học. Khi thấy ông V, T1 đã điều khiển xe mô tô của T2 bỏ chạy ra quán nước ở gần đường tròn Đồng Quang trước, T2 ngồi lên xe của Quang A rồi điều khiển chở Quang A bỏ chạy ra phía đường Việt Bắc. K, Q và T chạy bộ ra đường Việt Bắc. Lúc này, ông V giữ lại được xe của K và N, N đứng lại xin thì ông V để cho N điều khiển xe đi. Còn K, Q và T đi bộ quay lại chỗ ông V để đòi xe. Trên đường quay lại, K cầm 01 chổi tre lấy được ở rìa đường, T cầm 01 viên gạch vỡ. K giơ chổi lên dọa ông V để đòi xe và xảy ra giằng co xe giữa hai bên. Bà Nguyễn Huệ O biết việc nên đã gọi điện báo Công an phường T. Do bị K, T và Q giằng co xe nên ông V đã rút chìa khóa xe ra và cho lấy xe đi về. Công an phường T sau khi nhận được tin báo đã đến hiện trường lập hồ sơ vụ việc và thu giữ niêm phong các mảnh xác giấy (là xác của quả pháo tự chế).

Tại Kết luận giám định số 509/KL-KTHS ngày 3/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Các mảnh giấy vụn màu trắng được niêm phong ký hiệu A là sản phẩm của pháo nổ.

Vật chứng của vụ án: 01 chìa khóa xe mô tô đã qua sử dụng. Hiện tài sản trên được trả lại cho Hoàng Quang A; Các mảnh vụn thu giữ tại hiện trường đã lấy làm mẫu vật giám định hết; 01 bật lửa gas không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 499/CT-VKSTPTN ngày 06/9/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố Vi Văn K, Nguyễn Tài Đức T1, Ngô Quang T, Trần Khánh Q, Vương Văn T2, Mai Hải N về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Ngày 30/9/2021, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố N đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 11/2021/HSST- QĐ cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N. Ngày 06/10/2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N đã có công văn số 09/CV-VKSTPTN giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị can về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Vi Văn K, Nguyễn Tài Đức T1, Ngô Quang T, Trần Khánh Q, Vương Văn T2, Mai Hải N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 90, 91, 98 và Điều 100 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xử phạt bị cáo Nguyễn Tài Đức T1 từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; các bị cáo: Vi Văn K, Ngô Quang T, Trần Khánh Q, Vương Văn T2, Mai Hải N, mỗi bị cáo từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ.

-Về vật chứng: Đối với 01 chìa khóa xe mô tô đã qua sử dụng, đã trả cho chủ sở hữu quản lý sử dụng; các mảnh vụn thu giữ tại hiện trường đã lấy làm mẫu vật giám định hết và 01 bật lửa gas không thu hồi được nên không giải quyết.

-Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Vi Văn K, Nguyễn Tài Đức T1, Ngô Quang T, Trần Khánh Q, Vương Văn T2, Mai Hải N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, đại diện hợp pháp của các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có cơ hội tiếp tục học tập, sửa chữa. Ông Vi Tuấn D (đại diện hợp pháp của bị cáo Vi Văn K), ông Ngô Mạnh Đ (đại diện hợp pháp của bị cáo Ngô Quang T) đều cho rằng mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là quá cao; bà Đặng Thị Hồng T (đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tài Đức T1) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc mức hình phạt đối với bị cáo T1 vì bị cáo không trực tiếp đốt pháo. Người bào chữa cho bị cáo T1, bị cáo K và người

bào chữa cho bị cáo Q và bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, h, s khoản 1 Điều 51 và các điều 91, 98, 100 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo 6 tháng cải tạo không giam giữ. Người bào chữa cho bị cáo T2 và bị cáo N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 59 Bộ luật hình sự, miễn hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo nhất trí với lời bào chữa và ý kiến tranh luận của người bào chữa.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Đại diện Viện Kiểm sát tranh luận: Không nhất trí quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo về việc áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì tội “Gây rối trật tự công cộng” không phải là tội có cấu thành vật chất và không nhất trí áp dụng Điều 59 Bộ luật Hình sự về miễn hình phạt cho các bị cáo như quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T2 và bị cáo N.

Trong phần lời nói sau cùng, các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội tiếp tục học tập và cải tạo, rèn luyện thành công dân tốt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*\* Về tố tụng:*

- Cáo bị cáo phạm tội là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi), các cơ quan tiến hành tố tụng đã làm thủ tục cử người bào chữa cho các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

- Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

*\* Về nội dung:*

[1].Khoảng 15 giờ ngày 17/02/2021, tại trường THCS Quang Trung thuộc tổ 14, phường T, thành phố N, các bị cáo Vi Văn K, Nguyễn Tài Đức T1, Ngô Q T, Trần Khánh Q, Vương Văn T2, Mai Hải N có hành vi đốt pháo gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự nơi công cộng là Trường THCS Quang Trung, thành phố N.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, bản kết

luận giám định và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an nơi công cộng. Theo Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25/12/2008 của Bộ Công an – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép pháo nổ và thuốc pháo, tại Khoản 1 mục II quy định “*Người nào đốt pháo nổ thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự:*

*“a, Đốt pháo nổ nơi công cộng...”*

Mặc dù Thông tư trên viện dẫn Điều 245 Bộ luật hình sự 1999, tương ứng với Điều 318 Bộ luật Hình sự 2015 nhưng đến nay Thông tư này vẫn còn hiệu lực, chưa có văn bản nào thay thế hoặc hủy bỏ. Do vậy, đối chiếu với hành vi đốt pháo của các bị cáo tại trường THCS Quang Trung, Hội đồng xét xử thấy, việc truy tố đề xét xử đối với các bị cáo: Vi Văn K, Nguyễn Tài Đức T1, Ngô Quang T, Trần Khánh Q, Vương Văn T2, Mai Hải N về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 318 Bộ luật hình sự quy định như sau:

*“1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm”.*

...

[2]. Về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về vai trò: Trong vụ án này các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau và cùng nhau thực hiện tội phạm, do đó các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, thống nhất, phân công thực hiện hành vi phạm tội từ trước.

Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, đều đang là học sinh phổ thông Trung học.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3]. Về hình phạt: Các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên theo nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, khi áp dụng hình phạt cần hạn



chế áp dụng hình phạt tù, việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Việt Nam nói chung cũng như pháp luật về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi nói riêng. Xét thấy, hành vi của các bị cáo chỉ mang tính chất bột phát, do hiếu kỳ, tò mò nên nhất thời phạm tội, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế; bản thân các bị cáo chưa có vi phạm gì trong quá trình sinh sống tại địa phương. Tại phiên tòa, đại diện gia đình các bị cáo cam kết có trách nhiệm quản lý, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Vì vậy, cần tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để có cơ hội tiếp tục học tập, lao động, cho các bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt.

[4]. Vật chứng của vụ án: Đối với 01 chìa khóa xe mô tô đã qua sử dụng, đã trả cho chủ sở hữu quản lý sử dụng; Các mảnh vụn thu giữ tại hiện trường đã lấy làm mẫu vật giám định hết và 01 bình gas không thu hồi được nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí, quyền kháng cáo: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo: K, T, Q, T2, N là có căn cứ và phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; riêng mức hình phạt đối với bị cáo T1 có phần nghiêm khắc so với các bị cáo khác.

Xét đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo; K, T1, T, Q về mức hình phạt là có căn cứ chấp nhận; đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T2 và bị cáo N là không phù hợp.

Trong vụ án này còn có Trương Minh Z và Hà Quang A, quá trình điều tra xác định Z và Quang A không tham gia thực hiện hành vi đốt pháo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với Hoàng Quang A là người cho Trần Khánh Q mượn xe mô tô BKS 20B2-197.83, quá trình điều tra xác định Hoàng Quang A không biết việc Q mượn xe để đi đốt pháo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N không xem xét xử lý.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Các bị cáo: Vi Văn K, Nguyễn Tài Đức T1, Ngô Quang T, Trần Khánh Q, Vương Văn T2, Mai Hải N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 36; các Điều: 90, 91, 98, 100 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt:

+ Bị cáo Vi Văn K 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

+ Bị cáo Nguyễn Tài Đức T1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

+ Bị cáo Ngô Quang T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo

+ Bị cáo Trần Khánh Q 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

+ Bị cáo Vương Văn T2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

+ Bị cáo Mai Hải N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

2. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo: Vi Văn K, Nguyễn Tài Đức T1, Ngô Quang T, Trần Khánh Q, Vương Văn T2, Mai Hải N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

3. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TPTN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND các phường: Q T2, PDP, Gia Sàng;
- Các Bị cáo; ĐDHP của các BC;
- Người có QLNVLQ
- Lưu: Hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(đã ký)